

BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC ĐƠN VỊ NGÔN NGỮ CỐ ĐỊNH TRONG VIỆC DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ.

NGUYỄN VĂN MỆNH

1.1. Lâu nay, nhiều người đã dồn khá nhiều công sức cho việc khẳng định vai trò quan trọng của các lớp từ, đặc biệt là lớp từ cơ bản trong việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Điều đó hoàn toàn đúng đắn và cần thiết. Song bên cạnh những lớp từ quan trọng kể trên, trong tiếng Việt còn có một khối lượng không nhỏ những đơn vị cũng không kém phần quan trọng. Đó là các đơn vị cố định mà ta thường gọi bằng cái tên quen thuộc như quán ngữ, thành ngữ, tục ngữ⁽¹⁾. Đã đến lúc những đơn vị này khẩn thiết đòi hỏi ở chúng ta, những người dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, một sự quan tâm thích đáng đến số phận của chúng.

1.2. Trong tiềm thức của mỗi người bản ngữ cũng như trong giao tiếp hàng ngày của họ, sự tồn tại và hoạt động của các đơn vị ngôn ngữ cố định là một sự thật hiển nhiên. Đó là những quán ngữ kiểu như : nói khí vô phép, hơn bao giờ hết, ngồi cò đậu, răng bần cước, lưng chữ vự v.v... ; là các thành ngữ chẳng hạn như : ăn mà đòi xôi gấc, chết đuối dơi đèn, già chơi trống bỏi v.v...; và các tục ngữ, ví dụ như : người sống hơn đồng vàng, một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ, măng sông ếch giếng chó nhà chùa v.v...

1.3. Những loại đơn vị kể trên, ở mức độ này hay mức độ khác, đều có chung một số đặc điểm mà đa số các nhà Việt ngữ học kể cả một số nhà nghiên cứu văn học [1] - đã thống nhất thừa nhận như sau :

1.3.1. Chúng được cấu tạo bởi nhiều từ. Do đó, tất cả các đơn vị này, dù là đơn vị nhỏ nhất chỉ bao gồm có hai tiếng như "trẻ măng", "đen thui", "trắng bông" v.v... đều có cấu trúc lớn hơn từ.

1.3.2. Chúng là những đơn vị có kết cấu ổn định, đã được làm sẵn, tồn tại sẵn trong kho từ vựng tiếng Việt và dễ dàng tái hiện trong các hoạt động giao tiếp. Những tính chất này tồn tại trong một thể thống nhất, biện chứng, nương tựa và tác động lẫn nhau.

1.3.3. Trong các hoạt động ngôn ngữ, các đơn vị cố định đảm nhiệm những chức năng quan trọng khác nhau. Các tục ngữ luôn luôn hoạt động với tư cách là những đơn vị thông báo. Hay nói một cách khác, các tục ngữ hoạt động với chức năng của câu. Dĩ nhiên là khi xuất hiện trong văn bản, tục ngữ thường nằm trong cấu trúc của câu. Song với nội dung trọn vẹn của một thông báo, nhiều khi tục ngữ được các nhà văn vận dụng độc lập thay cho một câu của mình. Chẳng hạn như :

"Được lòng vãi mắt lòng sư. Đeo thánh giá vào cở, nay mai họ kéo về lại khó nói"
(Nguyễn Khải - Một chặng đường).

"Bà chỉ khéo lo toan không đâu, liệu có sống được mãi đề mà lo với liệu không. Trời sinh voi trời sinh cỏ". (Mạnh Phú Tư - Sống nhờ) v.v...

Khác với tục ngữ, thành ngữ không mang nội dung trọn vẹn của một thông báo, mà chỉ miêu tả một hình ảnh, một tính cách hay một trạng thái. Do đó thành ngữ chỉ gánh vác chức năng định danh, một thứ định danh liên kết hiện thực [3].

Chức năng của các quán ngữ có phần đa dạng hơn so với tục ngữ và thành ngữ. Trong khi đa phần các quán ngữ hành chức giống như các thành ngữ (làm nhiệm vụ định danh), thì có không ít quán ngữ làm nhiệm vụ của những đơn vị nghi thức lời nói, mà ta thường gọi là công cụ rào đón, đưa đẩy, kiểu như : nói đâu bỏ đó, nói anh đừng giận, nói cho cùng... Không những thế, nhiều quán ngữ còn trợ giúp một cách đắc lực trong việc liên kết văn bản [9]. Đó là các đơn vị như : Nói tóm lại, như trên đã nói, từ đó suy ra, như mọi người đều biết...

Rõ ràng là các đơn vị ngôn ngữ cố định luôn đảm đương những chức năng quan trọng, thiết yếu trong giao tiếp và góp phần tạo nên sự sống còn của ngôn ngữ.

Những điều vừa trình bày trên đây cho thấy các đơn vị cố định (quán ngữ, thành ngữ và tục ngữ) là những đơn vị hiện thực trong tiếng Việt. Ta có thể chứng minh thêm điều đó bằng cách xác định vị trí của các đơn vị cố định trong hệ thống tiếng Việt như sau : Nếu bắt đầu từ đơn vị cơ bản của ngôn ngữ là từ và kết thúc ở đơn vị trọn vẹn về nội dung ý nghĩa và hoàn chỉnh về hình thức là văn bản thì bức tranh phân bố sẽ hiện ra như sau :

Từ		Ngữ	Câu	Văn bản	
Một tiếng	Nhiều tiếng				
	đơn ý	hợp ý			
(a)	(b)	(c)			
			Ngữ tự do	Câu tự do	
			Quán ngữ thành ngữ	Tục ngữ	

(a) : nhà, ăn, học, vui...

(b) : mờ hóng, xà cạp, leng keng, lênh đênh...

(c) : áo quần, sẵn đón, buồn tẻ, hợp tác xã...

2.1. Vai trò của các đơn vị ngôn ngữ cố định gắn liền với các chức năng của chúng. Dĩ nhiên là chức năng của chúng càng quan trọng bao nhiêu thì vai trò của chúng càng cần thiết bấy nhiêu. Mặt khác, khi nói đến vai trò của các đơn vị này, chúng ta không thể không tính đến những thế mạnh vốn có sau đây của chúng.

2.2. Nhìn vào lược đồ trên, ta thấy quán ngữ, thành ngữ và tục ngữ là những thành

viên đích thực và gắn bó của hệ thống tiếng Việt. Không những thế, chúng còn hợp thành một đội quân đông đảo, mà khi cần đếm số, chúng ta phải dùng đến con số chục ngàn [2], [4].

2.3. Không những chúng hợp thành một đội ngũ đông đảo, mà điều quan trọng hơn, chúng là một binh chủng bao gồm những chiến binh đã được tinh luyện. Những đơn vị này đã được gọt giũa qua nhiều thế hệ, vượt qua thử thách của nhiều thời đại khác nhau. Do đó, chúng kết thành những tổ chức ngắn gọn đến mức không thể ngắn gọn hơn được nữa. Hay có thể nói, chúng là những đơn vị có cấu trúc tối giản. Điều đáng quý là những đơn vị tối giản này lại hàm chứa một nội dung rộng lớn và sâu sắc cùng những phẩm chất khá độc đáo.

2.3.1. Về mặt hình thức, chúng thường là những đơn vị có vần điệu hình khối và màu sắc [7] và [8]. Đó chính là cơ sở của tính hình tượng và giá trị biểu cảm của chúng. Tính hình tượng và giá trị biểu cảm này luôn được phát huy trong giao tiếp ngôn ngữ.

2.3.2. Những đơn vị mà chúng ta đang nói tới đã được xây dựng thông qua các phương thức miêu tả hữu hiệu vào bậc nhất của tiếng Việt đó là :

a) Phương thức tương phản với những đơn vị kiểu như : Bán quạt mua đông buôn bông mùa hè; Việc nhà thì nhác việc chú bác thì siêng; Mồ cha không khóc khóc đồng mối; Giặc không bắt bắt thầy tu v.v... Đó là những thành ngữ, quán ngữ và tục ngữ miêu tả những hiện tượng ngược đời, trái khoáy và tức cười.

b) Phương thức sóng đôi với những đơn vị kiểu như : Cơm ngang khách tạm; Mèo mà gà đồng; Chồng ăn chả vợ ăn nem; Khố rách áo ôm; Tòan ngang dây dọc v.v... Đó chính là những đơn vị có cấu trúc cân đối, đem lại cho câu văn sự hài hòa, uyển chuyển.

c) Phương thức so sánh với những đơn vị kiểu như : Như hình với bóng; Như chó với mèo; Ấm oái như hai gái lấy một chồng; Lôi thôi như cá trôi xỏ ruột; Đùng đình như chính trời sông v.v...

Không những thế, các đơn vị chúng ta đang quan tâm còn tận dụng các ưu thế của các thủ pháp nghệ thuật của cả hai lĩnh vực văn học và ngôn ngữ. Đó là thủ pháp ẩn dụ, hoán dụ và đặc biệt là thủ pháp ngoa dụ với những đơn vị kiểu như : Cốc mọc lông nạch; Cốc đi guốc khi đeo hoa; Ăn nồi bầy quăng ra nồi ba quăng vào v.v... Tất cả những phương thức và những thủ pháp kể trên, khi được vận dụng trong giao tiếp, sẽ đem lại những giá trị truyền cảm mạnh mẽ. Xem thêm [4] và [5]

2.3.3. Về mặt ý nghĩa, các đơn vị cố định kể trên hàm chứa một nội dung phong phú và sâu sắc. Chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy trong nội dung của chúng những kiến thức thuộc về kinh nghiệm sản xuất và thời tiết (như : Cơn đặng đông vừa trông vừa chạy; Chuẩn chuẩn bay thấp mưa ngập bờ ao; Quạ kêu thì ráo, Sáo kêu thì mưa; Làm ruộng ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng v.v...) những hiểu biết về tâm lý dân tộc như : Tiếng chào cao hơn mâm cỗ; Thèm lòng chứ không ai thèm thịt; Một vạn tiền công không bằng một đồng tiền thưởng v.v...), những dấu ấn của lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước (như: Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh; Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng; Ngậy ngô như chú Tàu nghe kèn; Nợ như chúa Chồm v.v...), những triết lý nhân sinh (như : Ác giả ác báo; Đời cha ăn mặn đời con khát nước; Năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn; Có nhân nhân mọc, vô nhân nhân chằm; Yêu trẻ trẻ đến nhà v.v...); Đặc biệt là những phong

tục tập quán mang đậm màu sắc Việt Nam. Những người quan tâm - nhất là người nước ngoài, có thể tìm thấy trong kho tàng này những nét rất thú vị về phong tục, lễ hội, về ma chay, cưới xin, về nghi thức giao tiếp, chẳng hạn như : Vui như hội; Phép vua thua lệ làng; Miếng trầu là đầu câu chuyện; Miếng trầu nên đầu nhà người; Không ai mang dùi đục đi hỏi vợ; Cha gậy tre, mẹ gậy vông; Cha đưa mẹ đón; Cơm có cà như ma có kèn v.v... [8]

2.4. Nếu coi những đơn vị ngôn ngữ trên đây là một "mặt hàng", thì phải nói rằng đó là một mặt hàng có mẫu mã đẹp, có hình thức độc đáo và có chất lượng tuyệt vời. Vấn đề là ở chỗ liệu các "khách hàng" của chúng ta - những người nước ngoài học tiếng Việt có nhu cầu đối với chúng hay không ? Bằng vào lý luận cũng như thực tiễn giảng dạy tiếng Việt trong nhiều năm qua, chúng ta có thể đưa ra câu trả lời chắc chắn là : Họ cần và rất cần những đơn vị cố định đó. Người học tiếng Việt, nhất là những người học ở bậc hoàn thiện và nâng cao, khi giao tiếp bằng tiếng Việt, họ không chỉ bằng lòng ở mức độ nói đúng, mà còn muốn diễn đạt sao cho hay, cho đẹp. Góp phần quan trọng để tạo nên cái hay cái đẹp đó chính là tác dụng gợi hình gợi cảm, là sự nhịp nhàng uyển chuyển của các đơn vị cố định này.

Sau khi đã biết vận dụng tiếng Việt ở bậc cơ sở, người học còn có nhu cầu tìm hiểu đất nước và con người Việt Nam ở các phương diện : lịch sử, xã hội, phong tục tập quán, tâm lý, văn hóa dân tộc v.v... Những phương diện này không phải là cứu cánh của việc học tiếng Việt, song chúng là những yếu tố có giá trị hỗ trợ và kích thích, làm tăng thêm nhiệt tình học tiếng Việt. Những từ ngữ và câu bình thường đã tỏ ra "bất cập" trước những yêu cầu chính đáng kể trên.

3.1. Trong hầu hết các giáo trình tiếng Việt thực hành, cũng như trong một số bài giảng, bằng hình thức này hay hình thức khác, chúng ta đã trang bị cho người học một ít vốn liếng thuộc các đơn vị cố định kể trên. Đó là việc làm rất đáng trân trọng [10]

Tuy nhiên, những việc đó, vẫn mang tính chất chủ quan, tự phát và được chăng hay chớ.

3.2. Vậy nên chăng là trong các tập giáo trình tiếng Việt, bên cạnh phần "từ mới" của mỗi bài, chúng ta nên bổ sung mục "ngữ vựng". Ở đó, chúng ta cung cấp cho người học một số lượng cần thiết những đơn vị cố định cùng những lời giải thích ngắn gọn cho nội dung ý nghĩa, sắc thái biểu cảm và cách dùng của chúng, kèm theo là phần luyện tập thực hành.

3.3. Tiến thêm một bước nữa là nên có một số chuyên đề về quán ngữ, thành ngữ và tục ngữ dành cho sinh viên học ở những năm cuối.

3.4. Ngoài ra, cũng cần có một tập "Quán ngữ, thành ngữ và tục ngữ" (Sưu tập và chú giải) dành cho sinh viên nước ngoài như là một tài liệu bổ trợ, hay một quyển sách công cụ (một từ điển bỏ túi).

Nêu ra vài ý kiến trên đây, người viết chỉ có một mục đích là muốn nhắc nhở rằng : đã đến lúc vấn đề vai trò của các đơn vị cố định trong việc dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cần được quan tâm thích đáng bằng việc làm tự giác, thiết thực và có hiệu quả.

CHÚ THÍCH

(1) *Khái niệm tục ngữ ở đây bao gồm cả những đơn vị mà trước đây nhiều người vẫn gọi là châm ngôn, cách ngôn, ngôn ngữ, danh ngôn và phương ngôn (với nghĩa là những đơn vị cố định, chứ không phải với khái niệm là tiếng địa phương.*

MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Dương Quảng Hàm. Việt Nam văn học sử yếu. Hà Nội 1941
2. Thái Hòa. Cấu tạo ngữ nghĩa cú pháp của tục ngữ. Tạp chí Ngôn ngữ số 2. 1982
3. Hồ Lê. Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại. Hà Nội 1976
4. Nguyễn Văn Mệnh. Bước đầu tìm hiểu sắc thái tu từ của thành ngữ tiếng Việt. Tạp chí ngôn ngữ số 2. 1971
5. Nguyễn Văn Mệnh. Tìm hiểu cấu trúc ngữ nghĩa, cú pháp của thành ngữ tương phản, thành ngữ sóng đôi và thành ngữ so sánh trong tiếng Việt hiện đại. L. A. PTS Berlin 1985
6. Nguyễn Văn Ngọc. Tục ngữ phong giao Việt Nam. Hà Nội 1928
7. Đái Xuân Ninh. Từ và hoạt động của từ trong tiếng Việt. Hà Nội 1978
8. Vũ Ngọc Phan. Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Hà Nội 1971
9. Trần Ngọc Thêm. Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt. Hà Nội 1985
10. Các giáo trình tiếng Việt của Khoa Tiếng Việt trường ĐHTH Hà Nội.

ESSENCE AND ROLE OF SOME VIETNAMESE IDIOMS AND, HOW TO USE THEM IN TEACHING VIETNAMESE AS A FOREIGN LANGUAGE

Nguyen Van Menh

There are a lot of Vietnamese idioms that appear in special quality such as, bigger than the word, unchange in structural form and, more convenient in using....

To foreigner who learns Vietnamese, these idioms are very important. Especially if they want to be a skilled person in Vietnamese.

This article's main purpose is to explain these idioms and show the way to use them.